

Bản án số: 87/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Thúy Toàn và ông Trịnh Đình Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Không thuộc thành phần tham gia.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2026/TLST-HNGĐ ngày 02-4-2026 về việc: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-5-2026, và Thông báo mở lại phiên tòa số: 24/TB-TA ngày 26/5/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Đ, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai số căn cước công dân: 015186008309, ngày cấp: 25/6/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Bị đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai, số căn cước công dân: 015086009854, ngày cấp: 25/6/2021, Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị Đ trình bày:*

Chị và anh Nông Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2012 tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái (nay là xã B, tỉnh Lào Cai). Anh chị chung sống hoà thuận thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, anh T thường uống rượu say gây sự vô cớ và chửi đánh chị nhiều lần. Anh T không tu trí làm ăn nên vợ chồng hay xảy ra

tranh cãi, xúc phạm nhau. Chị và anh T đã nhiều lần hoà giải, gia đình khuyên bảo nhưng không cải thiện được. Hiện chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết.

Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn T.

2. Về con chung: Chị và anh T có 02 con là Nông Ngọc B, sinh ngày 12/6/2012 và Nông Trường A, sinh ngày 30/10/2014. Sau khi ly thân các con đang ở với anh T và bà nội là La Thị T1 tại thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị nuôi dưỡng cả 02 con và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, sau khi lấy ý kiến của con thì cháu A có nguyện vọng được ở với bố nên chị thay đổi yêu cầu. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu Nông Ngọc B và anh T nuôi dưỡng cháu Nông Trường A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nông Văn T nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn anh Nông Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Tại phiên tòa, chị Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Đ và anh Nông Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị Đ thì cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T có nhiều mâu thuẫn, đã được gia đình hòa giải, khắc phục nhưng không cải thiện được nên vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị Đ xác định tình cảm vợ chồng đã hết và chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ, thể hiện anh T không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị Đ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị Đ và anh T có 02 con là Nông Ngọc B, sinh ngày 12/6/2012 và Nông Trường A, sinh ngày 30/10/2014, chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu B và anh T nuôi dưỡng cháu A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ và cháu A có nguyện vọng được ở với bố.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị Đ là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con. Anh T không có ý kiến về việc nuôi con. Tại đơn trình bày của chị Đ có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện anh T có nơi ở ổn định, cháu A đang được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo việc học tập ổn định, cháu A có nguyện vọng được ở với anh T, cháu B có nguyện vọng được ở với chị Đ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định, không sáo trộn sinh hoạt và học tập của cháu A và xét nguyện vọng của con, cần giao cháu B cho chị Đ và giao cháu A cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lưu Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Nông Văn T không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Về hôn nhân: Chị Lưu Thị Đ được ly hôn với anh Nông Văn T.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Lưu Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Ngọc B, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2012 và giao cho anh Nông Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Trường A, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2014, cho đến khi cháu B, cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con và người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001184 ngày 01-4-2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Lào Cai. Anh Nông Văn T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KV2- Lào Cai;
- Phòng THADS KV2- Lào Cai;
- UBND xã Bảo Ái;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Thu Hương